

TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
QUẬN LÊ CHÂN  
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 03/2023/DS-ST  
Ngày 07-4-2023  
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN LÊ CHÂN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

***-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Hải Yến

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Đinh Văn Bình

Bà Nguyễn Thị Mai

***-Thư ký phiên tòa:*** Bà Ngô Trần Phương Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:*** Bà Đỗ Thị Lan Phương- Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 50/2023/TLST-DS ngày 09 tháng 12 năm 2022 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 153/2023/QĐXXST-DS ngày 02 tháng 3 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 214 /2023/GUQ-CNHP ngày 21 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP A; địa chỉ: Số 442 N, phường 5, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh; Người đại diện hợp pháp: Bà Đào Thị L, Nhân viên xử lý nợ Ngân hàng A, đại diện theo Ủy quyền (Văn bản Ủy quyền ngày 22/8/2022 của Ngân hàng TMCP A); Có mặt.

*Bị đơn:* Bị đơn: Anh Trần Hải T; ĐKKHKT: Số 16 C, phường K, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng; hiện đang chấp hành án tại Đội 15 Phân trại số 1 Trại Giam X; có đơn xin xét xử vắng mặt.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Chị Ngô Thị N; nơi cư trú: Số 16 C, phường K, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện ngày 22 tháng 8 năm 2022, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn Ngân hàng TMCP A do người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 10/10/2019 Ngân hàng A đã giải ngân số tiền 100.000.000 đồng cho anh Trần Hải T, sinh năm 1983; ĐKKHKT: Số 16 C, phường K, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng theo Hợp đồng tín dụng trả góp số SHP.CN.1268.101019, số tài khoản vay 239821509 ký ngày 10/10/2019, với mục đích cấp khoản vay tiêu dùng mua sắm vật dụng gia đình, với phương thức cho vay từng lần, thời hạn vay là 36 tháng kể từ ngày bên được cấp tín dụng nhận tiền vay lần đầu, với lãi suất tính theo dư nợ ban đầu là 11,50%/năm và dư nợ thực tế là 22,38%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm nợ gốc bị quá hạn thanh toán; lãi suất phạt chậm trả lãi được tính là 10%/năm

Đồng thời ngày 08/10/2019 anh Trần Hải T có ký với Ngân hàng TMCP A (gọi tắt là Ngân hàng) Giấy đề nghị cấp thẻ tín số 3567950000246475 với hạn mức 20.000.000 đồng. Căn cứ thu nhập của anh T, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng có hạn mức sử dụng là 20.000.000 đồng. Loại thẻ JCB Gold (thẻ tín dụng quốc tế). Lãi suất trong Hợp đồng Thẻ tín dụng được hai bên thỏa thuận 25%/năm. Phương thức thanh toán là tổng số tiền gốc và lãi đến hạn hoặc trước ngày đến hạn như được nêu trong thông báo hàng tháng gửi cho chủ thẻ

Trong quá trình thực hiện Hợp đồng tín dụng từ ngày 10/10/2019 đến ngày 29/7/2021 anh T đã thanh toán được số tiền nợ gốc là 58.331.007 đồng, lãi trong hạn 20.154.808 đồng, tiền phạt: 9.462 đồng, sau đó anh T không thanh toán cho Ngân hàng bất kỳ khoản nợ nào và đến ngày 17/5/2022 Ngân hàng A đã ra thông báo thu hồi nợ trước hạn đối với khoản vay này.

Đối với thẻ tín dụng từ ngày 08/10/2019 đến ngày 20/10/2021 anh T đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là: 10.000.000 đồng,

Thời điểm anh T sử dụng thẻ lần cuối cùng là ngày 05/10/2021. Anh T đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 11.799.437 đồng, trong đó: **tiền phí phạt 2.947.512 đồng; lãi trong hạn từ ngày: 08/10/2019 đến ngày 20/10/2021 là: 3.570.995 đồng; tiền thanh toán nợ gốc: 5.280.930 đồng;**

Như vậy anh Trần Hải T còn nợ tiền nợ gốc là: 4.719.070 đồng. Bắt đầu từ ngày 20/10/2021 anh T không thanh toán cho Ngân hàng đúng hạn.

Vì vậy đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán tại điều 7 của Hợp đồng tín dụng và Điều 10 của Bản điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân

hàng) nên toàn bộ dư nợ còn thiếu chuyển sang quá hạn và Ngân hàng buộc phải chấm dứt quyền sử dụng thẻ của anh Trần Hải T (Điều 10 của bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng) và áp dụng tính lãi quá hạn với khoản vay theo Hợp đồng tín dụng của anh Trần Hải T từ ngày 01/6/2022 và Thẻ tín dụng từ ngày 20/10/2021.

Để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ trả nợ của Hợp đồng tín dụng trả góp số SHP.CN.1268.101019 và thẻ tín dụng số 3567950000246475 của anh Trần Hải T, chị Ngô Thị N, sinh năm 1992; trú tại; Số 16 C, K, Lê Chân, Hải Phòng vợ anh T đã ký cam kết ngày 10/10/2019 đồng ý cùng trả nợ với bên được cấp tín dụng theo đúng kỳ hạn và các nội dung khác của Hợp đồng tín dụng, phụ lục hợp đồng, khế ước nhận nợ và các cam kết khác của bên được cấp tín dụng với A, A có quyền yêu cầu một trong hai bên hoặc cả hai bên cùng thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Bên cam kết đồng ý trả nợ thay cho bên được cấp tín dụng các khoản nợ của bên được cấp tín dụng với A khi bên được cấp tín dụng không thực hiện hoặc thực hiện không đúng, không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ.

Mặc dù Ngân hàng đã thường xuyên đôn đốc nhiều lần tuy nhiên đến nay anh T vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng và đã vi phạm các điều khoản đã quy định tại các Hợp đồng đã ký. Nên Ngân hàng đề nghị Tòa án buộc anh Trần Hải T phải trả Nợ cho Ngân hàng tổng số tiền tính đến ngày 07/4/2023 cho hai khoản vay là: 73.676.753 đồng, trong đó số nợ gốc: 46.388.063 đồng (theo hợp đồng tín dụng: 41.668.993 đồng, thẻ: 4.719.070 đồng), lãi trong hạn: 10.286.107 đồng; lãi quá hạn: 14.469.482 đồng (Hợp đồng: 11.880.458 đồng, thẻ: 2.589.024 đồng); lãi phạt chậm trả gốc và lãi: 2.533.101 đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 07/4/2023 cho đến khi trả hết nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng và anh T phải chịu toàn bộ án phí. Trường hợp anh Trần Hải T không thanh toán được cho Ngân hàng thì buộc chị Ngô Thị N phải liên đới thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo Giấy cam kết ngày 10/10/2019 đã ký với Ngân hàng.

Bị đơn anh Trần Hải T có ý kiến trình bày: Anh đã nhận được thông tin Ngân hàng Thương mại cổ phần A khởi kiện anh tại Tòa án nhân dân quận Lê Chân nhưng hiện nay do đang phải chấp hành án tại Trại giam X nên anh không thể có mặt tại Tòa án để giải quyết vụ kiện. Anh T đề nghị Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt anh và có quan điểm về việc Ngân hàng A khởi kiện anh như sau: Năm 2019 anh có ký kết với Ngân hàng TMCP A hợp đồng tín dụng vào ngày 10/10/2019 để vay Ngân hàng số tiền 100.000.000 đồng, số tiền này anh đã được

Ngân hàng giải ngân và chuyển toàn bộ số tiền trên vào tài khoản tiền gửi mà anh mở tại Ngân hàng A, đồng thời anh cũng đề nghị Ngân hàng A mở thẻ tín dụng với hạn mức là 20.000.000 đồng. Quá trình thực hiện Hợp đồng tín dụng cũng như sử dụng thẻ tín dụng anh đã thanh toán cho Ngân hàng đúng hạn nhưng sau đó vì gặp khó khăn về kinh tế nên anh đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán đối với Ngân hàng. Hiện nay số nợ của anh tại Ngân hàng đã bị chuyển sang nợ quá hạn và đã bị chấm dứt sử dụng thẻ anh mở tại Ngân hàng. Đến nay Ngân hàng yêu cầu anh phải thanh toán số tiền nợ gốc đối với Hợp đồng tín dụng là 41.668.993 đồng và tiền nợ gốc tại thẻ tín dụng là 4.719.070 đồng cùng toàn bộ tiền lãi kể từ khi anh vi phạm (ngày 20/10/2021) đến nay, anh hoàn toàn nhất trí và anh sẽ thanh toán toàn bộ khoản nợ gốc và lãi tại Ngân hàng sau khi anh chấp hành án xong trở về với xã hội. Ngoài ra từ ngày bị bắt giam anh và chị N không có bất cứ liên lạc nào nên anh cũng không biết hiện nay chị N sinh sống ở đâu.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Ngô Thị N đã được Tòa án tiến hành tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án; giấy triệu tập; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải hợp lệ nhưng chị N vắng mặt, không có bất kỳ văn bản nào trình bày ý kiến của mình. Chị N đã được Tòa án đã tiến hành tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử, triệu tập họp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng chị N vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Ngân hàng Thương mại cổ phần A đối với nghĩa vụ cam kết trả nợ cùng với anh Trần Hải T

Tại phiên tòa Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và ý kiến về việc giải quyết vụ án. Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; bị đơn anh Trần Hải T cơ bản chấp hành đúng các quy định của pháp luật, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Ngô Thị N không tuân thủ các quy định của pháp luật mặc dù đã được Tòa án niêm yết hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, triệu tập họp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa, không có ý kiến đối với

yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về phần nghĩa vụ cam kết trả nợ của mình cùng với bị đơn.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai của đương sự, qua quá trình hỏi công khai tại phiên tòa, xét thấy Hợp đồng tín dụng ký kết giữa hai bên hoàn toàn tự nguyện, không bị lừa dối, đe dọa, hình thức hợp đồng đảm bảo đúng pháp luật hoàn toàn hợp pháp. Nguyên đơn đã thực hiện đúng nghĩa vụ giải ngân đầy đủ số tiền hai bên thỏa thuận vay. Bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng khởi kiện là có căn cứ.

Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 463, Điều 466, Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 90; Điều 91, Điều 94, Điều 95, Điều 98 của Luật Các tổ chức tín dụng; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; đề nghị HĐXX: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần A buộc anh Trần Hải T có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần A số tiền tạm tính đến ngày 07 tháng 4 năm 2023 bao gồm: 73.676.753 đồng, trong đó số nợ gốc: 46.388.063 đồng (tại hợp đồng tín dụng: 41.668.993 đồng, thẻ tín dụng: 4.719.070 đồng), lãi trong hạn: 10.286.107 đồng; lãi quá hạn: 14.469.482 đồng ( tại Hợp đồng: 11.880.458 đồng, thẻ tín dụng: 2.589.024 đồng); lãi phạt chậm trả gốc và lãi: 2.533.101 đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 07/4/2023 cho đến khi thanh toán hết nợ.

Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, nguyên đơn được trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

-Về tố tụng:

[1] Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật: Đây là Hợp đồng tín dụng và Hợp đồng thẻ tín dụng được ký kết giữa Ngân hàng TMCP A và anh Trần Hải T với mục đích để anh T vay số tiền 120.000.000 đồng (trong đó Hợp đồng tín dụng là 100.000.000 đồng và Thẻ tín dụng là 20.000.000 đồng) phục vụ nhu cầu tiêu dùng cá nhân nên được xác định là tranh chấp Hợp đồng dân sự theo khoản 3 Điều 26

Bộ luật Tố tụng dân sự. Đồng thời bị đơn anh Trần Hải T, sinh năm 1986; có đăng ký nhân khẩu thường trú: Số 16 C, phường K, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng; hiện đang chấp hành án tại đội 15 phân trại số 1 Trại giam X. Căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng.

[2] Về tư cách tham gia tố tụng: Xét văn bản ủy quyền ngày 22/8/2022 là ủy quyền hợp lệ nên bà Đào Thị Linh có đủ tư cách đại diện nguyên đơn tham gia tố tụng tại Tòa án.

- Về việc vắng mặt của bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án trong quá trình giải quyết vụ án:

[3] Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng cho anh Trần Hải T, chị Ngô Thị N. Ngày 22/02/2023 Tòa án nhân được đề nghị của Ngân hàng về việc anh T đang chấp hành án tại Trại giam X nên đã tiến hành xác minh tại Trại giam X, anh Tuyên hiện đang chấp hành án tại đội 15 phân trại số 1 Trại Giam X đồng thời anh T có đề nghị xin được xét xử và giải quyết vụ án vắng mặt anh. Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án chị Ngô Thị N đã được Tòa án hành tổng đạt các văn bản tố tụng, triệu tập đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Vì vậy căn cứ khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn anh Trần Hải T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Ngô Thị N.

-Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[4] Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, trình bày của nguyên đơn xác định: Hợp đồng tín dụng trả góp số SHP.CN.1268.101019, số tài khoản vay 239821509 ký ngày 10/10/2019 giữa anh Trần Hải T với Ngân hàng TMCP A để vay số tiền 100.000.000 đồng; Thời hạn: 36 tháng; Mục đích vay: Tiêu dùng mua sắm vật dụng gia đình và “Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng” ngày 08/10/2019 để vay số tiền 20.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân là hoàn toàn tự nguyện, có nội dung, hình thức phù hợp quy định tại Điều 117, Điều 119 của Bộ luật Dân sự năm 2015, Điều 91 của Luật Các tổ chức tín dụng và không trái đạo đức xã hội nên hoàn toàn hợp pháp và có hiệu lực pháp luật là căn cứ để các bên thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình.

[5] Quá trình thực hiện Hợp đồng tín dụng Ngân hàng TMCP A đã thực hiện đúng, đầy đủ nghĩa vụ của mình và đã giải ngân cho anh Trần Hải T vay toàn bộ số tiền 100.000.000 đồng theo Hợp đồng tín dụng SHP.CN.1268.101019, số tài khoản

vay 239821509 ký ngày 10/10/2019 và cấp thẻ tín dụng loại thẻ JCB Gold là thẻ tín dụng quốc tế có hạn mức 20.000.000 đồng đã được anh Trần Hải T thừa nhận.

Bị đơn anh Trần Hải T quá trình thực hiện Hợp đồng tín dụng từ ngày 10/10/2019 đến ngày 29/7/2021 anh T đã thanh toán được số tiền nợ gốc trong Hợp đồng tín dụng SHP.CN.1268.101019 là 58.331.007 đồng, lãi trong hạn: 20.154.808 đồng, tiền phạt: 9.462 đồng, từ ngày 29/7/2021 anh T không thanh toán cho Ngân hàng bất kỳ khoản nợ nào và đến ngày 17/5/2022 Ngân hàng A đã ra thông báo thu hồi nợ trước hạn đối với khoản vay này .

Đối với thẻ tín dụng từ ngày 08/10/2019 đến ngày 20/10/2021 anh T đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là: 11.799.437 đồng, trong đó tiền phí phạt: 2.947.512 đồng; lãi trong hạn từ ngày: 08/10/2019 đến ngày 20/10/2021 là: 3.570.995 đồng; tiền thanh toán nợ gốc: 5.280.930 đồng. Đến nay còn nợ lại số tiền nợ gốc là 4.719.070 đồng, lãi quá hạn 2.506.602 đồng.

Căn cứ vào các Điều 117, Điều 463, Điều 466, Điều 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015, Điều 91, Điều 94, Điều 95, Điều 98 của Luật Các tổ chức tín dụng Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc anh Trần Hải T phải trả toàn bộ số tiền nợ gốc và lãi còn lại theo Hợp đồng tín dụng số SHP.CN.1268.101019 ngày 10/10/2019 và Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng số 3567950000246475, ngày 08/10/2019 ký giữa hai bên tính đến ngày 07/4/2023 là : **73.676.753 đồng, trong đó nợ gốc: 46.388.063 đồng (tại hợp đồng tín dụng: 41.668.993 đồng, thẻ tín dụng: 4.719.070 đồng), lãi trong hạn: 10.286.107 đồng; lãi quá hạn: 14.469.482 đồng ( tại Hợp đồng tín dụng: 11.880.458 đồng, thẻ tín dụng: 2.589.024 đồng); lãi phạt chậm trả gốc và lãi: 2.533.101 đồng .**

[6] Về yêu cầu tính lãi: Tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng đề nghị anh T phải thanh toán số tiền lãi trong hạn, lãi quá hạn và lãi phạt chậm trả được tính trên cơ sở thỏa thuận giữa hai bên tại Hợp đồng tín dụng cũng như thỏa thuận tại bảng biểu tính phí và lãi suất giữa hai bên để thu hồi nợ. Xét yêu cầu tính lãi của Ngân hàng là hoàn toàn phù hợp với thỏa thuận của hai bên trong Hợp đồng tín dụng và Bản điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng ,phù hợp với pháp luật nên HĐXX chấp nhận và buộc anh T phải thanh toán các khoản tiền lãi trong hạn và lãi quá hạn, lãi phạt theo thỏa thuận đã được ký kết tại Hợp đồng tín dụng và Bản điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng giữa hai bên.

[7] Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến Tòa án làm việc nhưng bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không đến làm việc cũng như không có văn bản nào thể hiện quan điểm của mình về yêu cầu của Ngân hàng đối với số nợ trên. Ngày 22/02/2023, sau khi nhận được đề nghị của Ngân hàng về việc hiện nay anh T đang phải đi chấp hành án tại Trại giam X nên đã tiến hành xác minh tại Trại giam X và có kết quả anh Trần Hải T hiện đang chấp hành án tại đội 15 phân trại số 1 Trại Giam X đồng thời anh T có đề nghị xin được xét xử và giải quyết vụ án vắng mặt anh và có quan điểm sẽ thanh toán toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng khi chấp hành án xong trở về xã hội.

Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án chị Ngô Thị N đã được Tòa án hành tổng đạt các văn bản tố tụng, triệu tập đến Tòa án làm việc nhưng không có bất cứ phản hồi nào. Qua xác minh tại chính quyền địa phương thể hiện chị N có đăng ký thường trú tại số 16 C, phường K, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng, hiện chị N vắng mặt tại địa phương, đi đâu làm gì địa phương không rõ. Việc chị N thay đổi nơi cư trú gắn với việc thực hiện quyền, nghĩa vụ trong giấy cam kết đã ký kết ngày 10/10/2019 với Ngân hàng TMCP A khi anh Trần Hải T không thực hiện nghĩa vụ của mình với Ngân hàng. Nên việc chị N không thông báo về nơi cư trú mới thì được coi là cố tình giấu địa chỉ. Anh T đã xác nhận nghĩa vụ trả nợ của mình đối với Ngân hàng nhưng do chị N đã ký cam kết cùng thực hiện việc trả nợ với Ngân hàng A nên trong trường hợp anh T không thanh toán được nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng A thì chị Ngô Thị N phải có trách nhiệm thanh toán toàn bộ số nợ gốc, lãi trên thay anh T đối với Ngân hàng theo như giấy Cam kết đã ký ngày 10/10/2019.

[8] Về án phí: Căn cứ khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

- Bị đơn anh Trần Hải T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

- Trả lại Ngân hàng Thương mại cổ phần A số tiền 1.567.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 000542 ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng.

Vì các lẽ trên,

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 117, Điều 119; Điều 280; Điều 463, Điều 466, Điều 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 91, Điều 94, Điều 95, Điều 98 của Luật Các tổ chức tín dụng; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử : 1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần A buộc anh Trần Hải T phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần A số tiền còn nợ theo Hợp đồng tín dụng SHP.CN.1268.101019 ngày 10/10/2019 và Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng số 3567950000246475, ngày 08/10/2019 ký giữa hai bên tính đến hết ngày 07/4/2023 là: 73.676.753 đồng (Bảy mươi ba triệu, sáu trăm bảy mươi sáu nghìn, bảy trăm sáu mươi ba đồng), trong đó số nợ gốc: 46.388.063 đồng ( Bốn mươi sáu triệu, ba trăm tám mươi tám nghìn, không trăm sáu mươi ba đồng); lãi trong hạn: 10.286.107 đồng ( Mười triệu, hai trăm tám mươi sáu nghìn, một trăm linh bảy đồng); lãi quá hạn: 14.469.482 đồng ( Mười bốn triệu, bốn trăm sáu mươi chín nghìn, bốn trăm tám mươi hai đồng); lãi phạt chậm trả: 2.533.101 đồng ( hai triệu, năm trăm ba mươi ba nghìn, một trăm linh một đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Trường hợp anh Trần Hải T không thanh toán được khoản nợ gốc, lãi cho Ngân hàng TMCP A thì chị Ngô Thị N phải có nghĩa vụ thanh toán thay cho anh Trần Hải T toàn bộ khoản nợ gốc, lãi tại Ngân hàng TMCP A cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ

3. Về án phí: Anh Trần Hải T phải chịu 3.683.837 đồng ( ba triệu, sáu trăm tám mươi ba nghìn, tám trăm ba mươi bảy đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Trả lại Ngân hàng Thương mại cổ phần A số tiền 1.567.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005421 ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày T án.

Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- VKSND quận Lê Chân;
- Chi cục THSDS quận Lê Chân;
- Lưu: HS, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Lê Thị Hải Yến**



















